

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2024
Ho Chi Minh City, October 25, 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN
CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SGĐCK TP. HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE
STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL
AND THE HOCHIMINH
STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/To: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước / *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM / *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Organization name:* CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 / *YEAH1 GROUP CORPORATION*
- Mã chứng khoán/*Securities Symbol:* YEG
- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address:* Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / *Floor 7th, Galleria Office Building, 258 Nam Ky Khoi Nghia Street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam.*
- Điện thoại/*Telephone:* (+84) 287300 6071 Fax: 08 3910 1073
- Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by:* Bà/Ms Lê Phương Thảo
Chức vụ/*Position:* Chủ tịch Hội đồng quản trị/*Chairwoman of the Board of Directors*

Loại thông tin công bố Định kỳ Bất thường 24 giờ Theo yêu cầu
Information disclosure type Periodic Irregular 24 hours On-demand

Nội dung thông tin công bố/Content of Information disclosure:

Ngày 25/10/2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“Công ty”) công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2024 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính riêng Quý III năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2024 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023.

On October 25, 2024, Yeah1 Group Corporation (the “Company”) announced the following information:

- *The Company's separate Financial Statements for the third quarter of 2024 and the explanation of the differences in the separate Financial Statements for the third quarter of 2024 compared to the same period in 2023.*
- *The Company's consolidated Financial Statements for the third quarter of 2024 and the explanation of the differences in the consolidated Financial Statements for the third quarter of 2024 compared to the same period in 2023*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 vào ngày 25 tháng 10 năm 2024 tại đường dẫn: <http://yeah1group.com/investor-relations>.

This information was disclosed on Yeah1 Group Corporation's Portal on October 25, 2024. Available at: <http://yeah1group.com/investor-relations>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information this paper provides is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Nơi nhận:

Recipient:

+ Như trên;

+ *As above;*

+ Lưu VP;

+ *Archived;*

Đại diện tổ chức/Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/ Legal representative



LÊ PHƯƠNG THẢO

Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman





CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN YEAH1

Số: 1019 /2024/YEG/CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2024

- Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (“**Công ty**”) giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III và lũy kế 9 tháng đầu năm 2024 có biến động trên mười phần trăm (10%) so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể như sau:

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất Quý III năm 2024 so với Quý III năm 2023:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý III năm 2024

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Quý III năm 2024 (1)	Quý III năm 2023 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Thay đổi %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	34.296.452.740	3.211.261.171	31.085.191.569	968,01%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất của Tập đoàn trong Quý III năm 2024 tăng 31.085.191.569 đồng, tương ứng tăng 968,01% chủ yếu do doanh thu Quý III năm 2024 tăng trưởng 209% so với cùng kỳ năm 2023, dẫn đến sự gia tăng về lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý III năm 2024

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Quý III năm 2024 (1)	Quý III năm 2023 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Thay đổi %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.789.116.482	4.700.766.261	5.088.350.221	108,25%

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ trong Quý III năm 2024 tăng 5.088.350.221 đồng, tương ứng tăng 108,25% so với Quý III năm 2023 do tăng trưởng mạnh từ mảng hoạt động quảng cáo, tư vấn truyền thông và bản quyền nội dung so với cùng kỳ năm 2023

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất lũy kế 9 tháng đầu năm năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023:

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 9 tháng đầu năm 2024

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	9 tháng đầu năm 2024 (1)	9 tháng đầu năm 2023 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Thay đổi %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	55.750.904.001	12.351.048.453	43.399.855.548	351,39%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất của Tập đoàn 9 tháng đầu năm 2024 tăng 43.399.855.548 đồng, tương ứng tăng 351,39% chủ yếu là do doanh thu từ mảng hoạt động quảng cáo và tư vấn truyền thông tăng trưởng 218% so với cùng kỳ năm 2023, dẫn đến sự gia tăng về lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng 9 tháng đầu năm 2024

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	9 tháng đầu năm 2024 (1)	9 tháng đầu năm 2023 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)	Thay đổi %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.301.627.021	28.344.617.244	(17.042.990.223)	(60,13%)

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ 9 tháng đầu năm 2024 giảm 17.042.990.223 đồng so với năm 2023 chủ yếu do sự sụt giảm doanh thu tài chính của Công ty mẹ so với cùng kỳ

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III năm 2024 đã được đăng tải trên website của Công ty: www.yeah1group.com

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1


CHÊ ĐOÀN VIÊN


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN/HN)	3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN/HN)	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN/HN)	7
Thuyết minh cho báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN/HN)	8

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 12 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 31 ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Hội đồng Quản trị

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên
Ông Kim Min Soo	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên
Ông Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)

Người đại diện theo pháp luật

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

Ông Chế Đoàn Viên được bà Ngô Thị Vân Hạnh ủy quyền kí báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 và các văn bản giải trình liên quan theo Giấy Ủy Quyền số 102A-2404-GUQ-YEG có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2024

Trụ sở chính

Tầng 7, Tòa nhà Galleria, 258 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, tôi phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm từ trang 3 đến trang 47. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 25 tháng 10 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		686.425.922.568	550.345.281.762
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.382.011.091	6.392.544.437
111	Tiền		2.382.011.091	2.192.544.437
112	Các khoản tương đương tiền		-	4.200.000.000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		230.000.000	230.000.000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		230.000.000	230.000.000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		656.511.999.116	522.012.565.290
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	107.743.643.379	112.326.811.147
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		138.387.666.257	2.549.093.165
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6(a)	301.537.900.044	270.238.767.925
136	Phải thu ngắn hạn khác	7(a)	131.947.979.209	159.015.726.054
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(23.105.189.773)	(22.117.833.001)
140	Hàng tồn kho		25.144.368.554	18.471.428.571
141	Hàng tồn kho		25.144.368.554	18.471.428.571
150	Tài sản ngắn hạn khác		2.157.543.807	3.238.743.464
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9(a)	1.316.958.977	3.238.743.464
152	Thuế GTGT được khấu trừ		840.584.830	-

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		1.641.416.881.184	1.393.011.400.848
210	Các khoản phải thu dài hạn		240.102.983.496	227.793.196.854
215	Phải thu về cho vay dài hạn	6(b)	10.680.575.396	21.412.263.754
216	Phải thu dài hạn khác	7(b)	229.422.408.100	206.380.933.100
220	Tài sản cố định		113.624.458.801	78.555.370.522
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	307.893.445	181.819.198
222	Nguyên giá		903.492.862	695.101.954
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(595.599.417)	(513.282.756)
227	Tài sản cố định vô hình	10(b)	113.316.565.356	78.373.551.324
228	Nguyên giá		137.830.274.787	85.512.962.231
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.513.709.431)	(7.139.410.907)
240	Tài sản dở dang dài hạn		5.000.000.000	5.000.000.000
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.000.000.000	5.000.000.000
250	Đầu tư tài chính dài hạn		1.261.858.044.777	1.080.639.622.715
251	Đầu tư vào công ty con	4(a)	1.723.883.212.233	1.342.337.412.233
252	Đầu tư vào công ty liên kết	4(b)	2.000.000.000	231.761.250.000
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(c)	17.715.625.000	17.715.625.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4	(481.740.792.456)	(511.174.664.518)
260	Tài sản dài hạn khác		20.831.394.110	1.023.210.757
261	Chi phí trả trước dài hạn	9(b)	20.831.394.110	1.023.210.757
270	TỔNG TÀI SẢN		2.327.842.803.752	1.943.356.682.610

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		633.075.826.718	259.891.332.597
310	Nợ ngắn hạn		590.827.068.822	165.525.413.280
311	Phải trả người bán ngắn hạn	12	50.452.084.141	67.795.676.253
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	10.623.529.848	24.616.965.143
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.707.516.717	1.537.872.433
314	Phải trả người lao động		4.226.735.761	1.529.147.261
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	17.381.425.844	5.287.267.886
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.218.448.094	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	16	165.036.199.048	41.747.660.304
320	Vay ngắn hạn	17	335.181.129.369	23.010.824.000
330	Nợ dài hạn		42.248.757.896	94.365.919.317
338	Vay dài hạn	17	42.248.757.896	94.365.919.317
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.694.766.977.034	1.683.465.350.013
410	Vốn chủ sở hữu		1.694.766.977.034	1.683.465.350.013
411	Vốn góp của chủ sở hữu	18,19	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	19	140.518.254	140.518.254
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	19	324.611.918.780	369.792.191.759
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		313.310.291.759	317.666.606.594
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		11.301.627.021	52.125.585.165
440	TỔNG NGUỒN VỐN		2.327.842.803.752	1.943.356.682.610



Lưu Anh Khoa
Người lập



Nguyễn Thị Khánh Trang
Kế toán trưởng




Chế Đoàn Viên
Phó Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 10 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một phần cấu thành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02 – DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND	30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.887.787.766	16.991.194.509	192.321.706.882	45.788.473.082
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	86.887.787.766	16.991.194.509	192.321.706.882	45.788.473.082
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(50.012.175.087)	(12.722.187.645)	(129.058.419.629)	(33.797.030.863)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.875.612.679	4.269.006.864	63.263.287.253	11.991.442.219
21	Doanh thu hoạt động tài chính	6.087.102.527	10.616.903.129	19.959.695.359	44.230.501.994
22	Chi phí tài chính	(6.607.027.732)	(5.638.120.305)	(14.128.237.011)	(15.370.191.932)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(6.607.027.732)	(5.638.120.305)	(14.128.237.011)	(15.370.191.932)
25	Chi phí bán hàng	-	-	-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(26.448.831.891)	(4.538.914.378)	(56.751.550.066)	(12.496.729.004)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	9.906.855.583	4.708.875.310	12.343.195.535	28.355.023.277
31	Thu nhập khác	-	-	280.407	-
32	Chi phí khác	(117.739.101)	(8.109.049)	(1.041.848.921)	(10.406.033)
40	Lỗ khác	(117.739.101)	(8.109.049)	(1.041.568.514)	(10.406.033)


CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 02 – DN/HN

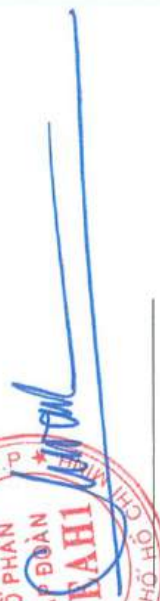
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024	30.09.2023	30.09.2024	30.09.2023
		VND	VND	VND	VND
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.789.116.482	4.700.766.261	11.301.627.021	28.344.617.244
51	Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	-	-	-	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.789.116.482	4.700.766.261	11.301.627.021	28.344.617.244


 Lưu Anh Khoa
 Người lập


 Nguyễn Thị Khánh Trang
 Kế toán trưởng




 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 10 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 47 là một phần cấu thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.301.627.021	28.344.617.244
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại	17.456.615.185	133.953.216
03	Các khoản dự phòng	(28.446.515.290)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(19.857.100.677)	(17.109.827.585)
06	Chi phí lãi vay	14.128.237.011	15.370.191.932
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(5.417.136.750)	26.738.934.807
09	Tăng các khoản phải thu	(137.008.099.865)	(76.920.492.056)
10	Tăng hàng tồn kho	(6.672.939.983)	(383.218.133)
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	265.593.220.391	(47.289.560.804)
12	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	(17.886.398.866)	2.423.092.216
14	Tiền lãi vay đã trả	(4.020.560.693)	(12.450.057.448)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	94.588.084.234	(107.881.301.418)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(96.570.534.908)	(113.204.714.853)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	80.203.091.147	166.176.879.955
25	Tiền chi mua cổ phần, góp vốn vào đơn vị khác	(466.023.800.000)	(513.071.250.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	99.144.000.000	13.983.200.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	24.595.482.233	26.492.526.074
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(358.651.761.528)	(419.623.358.824)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	-	450.000.000.000
33	Tiền thu từ vay	433.159.432.945	384.868.725.134
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(173.106.288.997)	(318.802.391.217)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	260.053.143.948	516.066.333.917
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ	(4.010.533.346)	(11.438.326.325)
60	Tiền và đương tương tiền đầu kỳ	6.392.544.437	17.365.013.108
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2.382.011.091	5.926.686.783


 Lưu Anh Khoa
 Người lập


 Nguyễn Thị Khánh Trang
 Kế toán trưởng


 Chế Đoàn Viên
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 10 năm 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ 9 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 31 ngày 25 tháng 7 năm 2024.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán – Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 19 tháng 6 năm 2018 với mã giao dịch cổ phiếu là YEG.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là truyền thông giải trí và quản lý.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm hoạt động tư vấn quản lý; quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình thường của Công ty là 12 tháng.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có 66 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 77 nhân viên).

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024, Công ty có 13 công ty con trực tiếp và 10 công ty con gián tiếp (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 15 công ty con trực tiếp và 3 công ty con gián tiếp) được trình bày trong thuyết minh 4 – Đầu tư tài chính

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Báo cáo tài chính riêng được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các công ty con là những công ty mà Tập đoàn kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính riêng là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2.7 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.7 Đầu tư tài chính (tiếp theo)****(a) Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)**

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc đã dự đoán khi đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính tương tự như dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.8 Cho vay

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thu hồi.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (“TSCĐ”)***TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm của các loại tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	10% – 20%/năm
Phương tiện vận tải	10% – 33%/năm
Thiết bị quản lý	33%/năm
Bản quyền chương trình	10% – 20%/năm
Nhãn hiệu, tên thương mại	2% – 10%/năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.12 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

2.13 Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ bên liên quan và các cá nhân.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.15 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập nhưng chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	16.595.744.706	529.510.910
Lương và thưởng cho nhân viên	230.000.776	2.018.064.776
Chi phí lãi vay	26.169.452	1.967.531.800
Khác	529.510.910	772.160.400
TỔNG CỘNG	17.381.425.844	5.287.267.886
Trong đó:		
Bên thứ ba	17.366.302.967	3.272.736.086
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	15.122.877	2.014.531.800

16 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	89.999.000.000	-
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.500.000.000	31.500.000.000
Phải trả về hợp đồng hợp tác kinh doanh	31.427.266.335	-
Chi phí lãi vay	6.795.505.095	4.677.816.755
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	987.660.556	928.353.799
Khác	4.326.767.062	4.641.489.750
TỔNG CỘNG	165.036.199.048	41.747.660.304
Trong đó:		
Bên thứ ba	131.866.999.843	39.008.088.255
Bên liên quan (Thuyết minh 27(b))	33.169.199.205	2.739.572.049

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả khác ngắn hạn nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

17	VAY	Tại ngày 01.01.2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.09.2024 VND	Lãi suất VND	Kỳ hạn trả nợ gốc VND
(a)	Ngắn hạn						
	Vay ngân hàng	10.000.000.000	118.642.861.292	(42.057.881.923)	86.584.979.369		
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	10.000.000.000	118.642.861.292	(42.057.881.923)	86.584.979.369	8,2%	Ngày 31/01/2025
	Vay bên thứ ba	4.260.824.000	248.997.150.000	(18.115.824.000)	235.142.150.000		
	Bà Vũ Thị Tuyết Vân	-	117.147.080.000	-	117.147.080.000	8,0%	Từ ngày 24/04/2025 đến ngày 07/08/2025
	Ông Võ Xuân Huy	-	55.590.000.000	-	55.590.000.000	8,0%	Ngày 07/08/2025
	Bà Nguyễn Hải Tường Vi	-	54.743.070.000	-	54.743.070.000	8,0%	Ngày 07/08/2025
	Bà Nguyễn Thị Khánh Hoa	-	13.787.000.000	(7.655.000.000)	6.132.000.000	10,5%-11%	Từ ngày 04/01/2025 đến ngày 07/06/2025
	Công ty Cổ phần Ban Media	2.260.824.000	7.730.000.000	(8.460.824.000)	1.530.000.000	10,5%	Từ ngày 10/05/2025 đến 14/06/2025
	Bà Vũ Thị Ngọc Trinh	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-		
	Vay bên liên quan	8.750.000.000	95.683.842.260	(90.979.842.260)	13.454.000.000		
	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	5.950.000.000	24.050.000.000	(25.811.000.000)	4.189.000.000	10,5%	Từ ngày 27/12/2024 đến ngày 14/06/2025
	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	9.920.000.000	(5.900.000.000)	4.020.000.000	10,5%	Từ ngày 12/03/2025 đến ngày 11/06/2025
	Công ty TNHH Vietnam Music Award	200.000.000	2.100.000.000	(260.000.000)	2.040.000.000	10,5%	Từ ngày 29/03/2025 đến ngày 17/05/2025
	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	-	1.900.000.000	(400.000.000)	1.500.000.000	12,0%	Ngày 13/12/2024
	Công ty TNHH 1Talents	-	4.100.000.000	(3.000.000.000)	1.100.000.000	10,5%	Từ ngày 13/06/2025 đến ngày 31/06/2025
	Công ty TNHH Tỉnh Tỉnh Network	300.000.000	400.000.000	(95.000.000)	605.000.000	10,5%	Từ ngày 25/10/2024 đến ngày 27/05/2025
	Công ty Cổ Phần Giải trí Ana	-	51.713.842.260	(51.713.842.260)	-		
	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	2.300.000.000	-	(2.300.000.000)	-		
	Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	1.500.000.000	(1.500.000.000)	-		
	TỔNG CỘNG	23.010.824.000	463.323.853.552	(151.153.548.183)	335.181.129.369		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

17	VAY (tiếp theo)	Tại ngày 01.01.2024 VND	Tăng VND	Giảm VND	Tại ngày 30.09.2024 VND	Lãi suất VND	Kỳ hạn trả nợ gốc VND
(b)	Dài hạn						
	Vay ngân hàng	37.500.000.000	9.029.421.653	(16.330.663.757)	30.198.757.896		
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	37.500.000.000	9.029.421.653	(16.330.663.757)	30.198.757.896	11,0%	Ngày 15/08/2028
	Vay bên thứ ba	1.919.268.183	-	(1.919.268.183)	-		
	Công ty Cổ phần Appnews Việt Nam	1.919.268.183	-	(1.919.268.183)	-		
	Vay bên liên quan	54.946.651.134	12.520.000.000	(55.416.651.134)	12.050.000.000		
	Công ty Cổ Phần Giải trí Ana	54.603.842.260	-	(54.603.842.260)	-		
	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	-	12.050.000.000	-	12.050.000.000	10,5%	Từ ngày 16/08/2026 đến 19/08/2026
	Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	342.808.874	-	(342.808.874)	-		
	Công ty TNHH 1Production	-	470.000.000	(470.000.000)	-		
		94.365.919.317	21.549.421.653	(73.666.583.074)	42.248.757.896		

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

(a) Số lượng cổ phiếu

	<u>30.09.2024</u>	<u>31.12.2023</u>
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	137.001.454	131.353.264
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	137.001.454	131.353.264
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>137.001.454</u>	<u>131.353.264</u>

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>30.09.2024</u>		<u>31.12.2023</u>	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Bà Lê Phương Thảo	7.892.748	5,76	7.232.400	5,51
Ông Chế Đoàn Viên	6.833.725	4,99	6.371.400	4,85
Cổ đông khác	122.274.981	89,25	117.749.464	89,64
TỔNG CỘNG	<u>137.001.454</u>	<u>100,00</u>	<u>131.353.264</u>	<u>100,00</u>

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	31.279.968	31.279.968	31.279.968
Phát hành cho nhà đầu tư chiến lược	45.000.000	45.000.000	45.000.000
Phát hành cho cổ đông hiện hữu	55.073.296	55.073.296	55.073.296
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>131.353.264</u>	<u>131.353.264</u>	<u>131.353.264</u>
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP)	5.648.190	5.648.190	5.648.190
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	<u>137.001.454</u>	<u>137.001.454</u>	<u>137.001.454</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

Mẫu số B 09 – DN/HN

19 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	312.799.680.000	550.873.478.254	317.666.606.594	1.181.339.764.848
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược	450.000.000.000	-	-	450.000.000.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	550.732.960.000	(550.732.960.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	52.125.585.165	52.125.585.165
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.313.532.640.000	140.518.254	369.792.191.759	1.683.465.350.013
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	11.301.627.021	11.301.627.021
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (*)	56.481.900.000	-	(56.481.900.000)	-
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2024	1.370.014.540.000	140.518.254	324.611.918.780	1.694.766.977.034

(*) Vào ngày 8 tháng 7 năm 2024, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 770/2407/NQ/HĐQT/YEG ngày 3 tháng 7 năm 2024. Vào ngày 25 tháng 7 năm 2024, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 31 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.313.532.640.000 VND lên 1.370.014.540.000 VND

20 DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Doanh thu quảng cáo và tư vấn truyền thông	111.700.575.301	4.873.889.657
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại	39.091.914.983	40.914.583.425
Doanh thu bản quyền nội dung	41.529.216.598	-
TỔNG CỘNG	192.321.706.882	45.788.473.082

21 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Giá vốn quảng cáo và tư vấn truyền thông	103.630.484.129	2.285.205.608
Giá vốn cung cấp dịch vụ và thương mại	16.286.447.681	31.511.825.255
Giá vốn bản quyền nội dung	9.141.487.819	-
TỔNG CỘNG	129.058.419.629	33.797.030.863

22 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	19.857.100.677	17.109.827.585
Lãi thoái vốn công ty con	100.872.062	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.722.620	194.969
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	14.990.625.000
Cổ tức được chia	-	12.129.854.440
TỔNG CỘNG	19.959.695.359	44.230.501.994

23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.128.237.011	15.370.191.932

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.452.072.615	5.125.001.773
Chi phí nhân viên	25.154.182.736	7.329.072.587
Chi phí khấu hao TSCĐ	149.915.943	40.185.965
Khác	8.022.000	2.468.679
Dự phòng phải thu khó đòi	987.356.772	-
TỔNG CỘNG	56.751.550.066	12.496.729.004

25 THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lỗ kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	11.301.627.021	28.344.617.244
Thuế tính ở thuế suất 20% (*)	2.260.325.404	5.668.923.449
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	208.369.784	2.081.207
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.468.695.188)	(5.671.004.655)
Chi phí thuế TNDN (*)	-	-

(*) Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

26 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động kinh doanh của Công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
	30.09.2024	30.09.2023
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	125.311.020.945	21.721.335.763
Chi phí nhân viên	32.905.466.974	24.430.241.958
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.456.615.185	133.953.216
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	987.356.772	-
Khác	8.022.000	8.228.930
TỔNG CỘNG	176.668.481.876	46.293.759.867

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tập đoàn có giao dịch và số dư và giao dịch với các bên liên quan như sau:

Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Công ty con trực tiếp
	(đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty TNHH 1Production	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Công ty con trực tiếp
	(đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Công ty con trực tiếp
	(đến ngày 28 tháng 6 năm 2024)
Công ty Cổ phần Siêu sao Yeah1	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH Yeah1 Up	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH 1Talents	Công ty con trực tiếp
Công ty TNHH 1Brandlink	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần 1Label	Công ty con trực tiếp
Công ty Cổ phần Yeah1 Publishing	Công ty con của công ty liên kết
	(đến ngày 18 tháng 4 năm 2024)
	Công ty con gián tiếp
	(từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Netlink Communication Technology Ltd	Công ty con của công ty liên kết
	(đến ngày 18 tháng 4 năm 2024)
	Công ty con gián tiếp
	(từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Gigagoods	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV	Công ty con trực tiếp
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH STV Production	Công ty con trực tiếp
	(đến ngày 15 tháng 3 năm 2024)
	Công ty con gián tiếp
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty TNHH MTV Style TV	Công ty con gián tiếp
	(đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Công ty liên kết
	(đến ngày 18 tháng 4 năm 2024)
	Công ty con trực tiếp
	(từ ngày 19 tháng 4 năm 2024)
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Công ty liên kết
	(đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
	Công ty con trực tiếp
	(từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	Công ty liên kết của công ty con Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024) Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024) Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH BigCat	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024) Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần Tstudio	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024) Công ty liên kết (đến ngày 5 tháng 8 năm 2024)
Công ty TNHH TingTing Network	Công ty con gián tiếp (từ ngày 6 tháng 8 năm 2024)
Công ty Cổ phần 1Game	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Kolorlife	Đầu tư khác của công ty con
Công ty Cổ phần Giải trí 100D	Đầu tư khác của công ty con
Công ty Cổ phần Tera Group	Đầu tư khác của công ty con (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Đào Phúc Trí	Phó chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2023)
Ông Đinh Hoài Nam	Phó chủ tịch HĐQT
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Phó Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Chê Đoàn Viên	Tổng giám đốc
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6 tháng 5 năm 2024)
Ông Trần Thanh Tân	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 28 tháng 2 năm 2023)
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Quỳnh	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2023)
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Người liên quan của người nội bộ
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Công ty mà người nội bộ là thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bỏ Công Anh	Công ty mà người có liên quan của người nội bộ là Giám đốc

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	Cung cấp dịch vụ	42.891.137.134	18.177.090.296
	Vay	24.050.000.000	7.000.000.000
	Lãi vay	820.054.604	4.027.397
	Mua dịch vụ	3.500.000	2.315.617.971
	Cho vay	-	13.600.000.000
	Lãi cho vay	-	290.493.231
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	Cho vay	3.600.000.000	2.328.800.000
	Lãi vay	62.899.792	20.967.123
	Lãi cho vay	20.165.753	46.603.398
	Mua dịch vụ	2.200.000	220.000
	Cung cấp dịch vụ	-	4.988.559.103
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	Vay	51.713.842.260	59.703.842.260
	Lãi vay	2.785.993.536	2.329.803.164
	Cung cấp dịch vụ	9.090.909	81.818.181
	Cho vay	-	900.000.000
	Lãi cho vay	-	28.165.982
Công ty Cổ phần Tổng hợp Truyền thông STV	Cho vay	19.152.000.000	41.330.000.000
	Cung cấp dịch vụ	2.310.326.514	7.810.453.277
	Mua dịch vụ	2.210.809.524	-
	Lãi cho vay	1.002.878.961	1.036.540.486
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	Cho vay	724.300.000	4.370.000.000
	Mua dịch vụ	142.170.068	-
	Lãi cho vay	118.972.191	99.459.448
	Lãi vay	-	227.391.781
	Cổ tức được chia	-	12.129.854.440
Công ty TNHH Vietnam Music Award	Vay	2.100.000.000	-
	Lãi vay	97.002.738	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	Vay	21.970.000.000	4.900.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.876.000.000	4.977.246.346
	Lãi vay	311.579.586	3.969.863
	Cho vay	-	3.000.000.000
	Lãi cho vay	-	95.486.575
Công ty TNHH Yeah1 Up	Cho vay	8.492.000.000	12.600.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.963.000.000	2.408.345.006
	Lãi cho vay	583.701.568	287.901.285
	Mua dịch vụ	28.909.091	21.388.889

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty Cổ phần Tstudio	Cung cấp dịch vụ	543.497.378	692.165.844
Công ty Cổ phần 1Label	Cung cấp dịch vụ	522.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	Cung cấp dịch vụ	412.000.000	-
Công ty TNHH 1Talents	Vay	4.100.000.000	-
	Cung cấp dịch vụ	287.000.000	-
	Lãi vay	20.453.423	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	Vay	1.500.000.000	342.808.874
	Lãi vay	12.446.724	4.633.034
	Cho vay	-	1.250.000.000
	Lãi cho vay	-	1.192.452.719
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	Lãi cho vay	73.304.388	9.956.175
	Cho vay	-	490.090.853
	Lãi vay	-	5.228.754
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	Mua dịch vụ	250.000.000	-
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	17.560.000.000	10.000.000.000
	Cung cấp dịch vụ	2.216.523.810	1.758.363.556
	Lãi cho vay	674.030.959	240.406.848
Công ty TNHH 1Production	Mua dịch vụ	41.122.111.112	-
	Cho vay	2.000.000.000	1.665.000.000
	Cung cấp dịch vụ	1.275.000.000	-
	Vay	470.000.000	-
	Lãi cho vay	39.124.727	15.542.876
	Lãi vay	2.163.288	-
Công ty TNHH STVProduction	Mua hàng hóa, dịch vụ	15.506.172.840	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	Lãi cho vay	749.494.386	1.124.241.584
Công ty Cổ phần 1Game	Cho vay	2.465.000.000	730.000.000
	Lãi cho vay	199.606.697	16.719.589
	Cung cấp dịch vụ	170.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất phim Đại sứ trẻ	Cung cấp dịch vụ	1.905.000.000	-
	Cho vay	1.547.188.358	-
	Lãi cho vay	137.504.773	229.728.088

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Công ty TNHH TìngTìng Network	Vay	400.000.000	-
	Lãi vay	44.029.524	-
	Cho vay	-	110.000.000
	Lãi cho vay	-	1.338.768
Công ty Cổ phần AppNews Việt Nam	Lãi vay	-	114.840.596
Công ty TNHH MTV Style TV	Cung cấp dịch vụ	-	1.900.000
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	324.083.204	250.462.693
	Thu hồi tạm ứng	235.730.160	109.141.043
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	390.379.789	92.817.405
	Thu hồi tạm ứng	276.307.959	-
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	345.425.046	9.000.000
	Thu hồi tạm ứng	345.425.046	9.000.000
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	5.327.908.126	10.560.836.604
	Tạm ứng	-	10.702.878.573
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	1.900.000.000	-
	Lãi vay	60.032.875	-

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Các khoản chi cho nhân sự quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức danh	Kỳ 9 tháng kết thúc ngày	
		30.09.2024 VND	30.09.2023 VND
Thù lao thành viên HĐQT			
Lê Phương Thảo	Chủ tịch HĐQT	-	-
Đào Phúc Trí	Phó Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	-
Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch HĐQT	-	-
Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên HĐQT	-	-
Đình Hoài Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Kim Min Soo	Thành viên HĐQT	-	-
TỔNG CỘNG		<u>-</u>	<u>-</u>
Tiền lương của Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác			
Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng giám đốc	2.025.000.000	1.500.000.000
Chê Đoàn Viên	Phó Tổng Giám Đốc	1.055.371.800	708.871.800
Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc	300.200.000	-
Kim Min Soo	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám Đốc	-	-
Đào Phúc Trí	Tổng giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	2.549.007.000
Lê Phương Thảo	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	502.449.000
Trần Thanh Tân	Phó Tổng Giám Đốc (đã miễn nhiệm)	-	123.981.550
TỔNG CỘNG		<u>3.380.571.800</u>	<u>5.384.309.350</u>

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	27.453.074.929	-
Công ty TNHH Yeah1 Up	3.874.700.782	2.375.535.228
Công ty TNHH Big Cat	2.466.893.498	-
Công ty TNHH 1Production	1.402.500.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	1.154.383.491	1.154.383.491
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1	523.907.130	523.907.131
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	346.772.026	
Công ty TNHH 1Talents	315.700.000	-
Công ty Cổ phần Tstudio	219.067.555	387.340.148
Công ty Cổ phần 1Game	187.000.000	-
Công ty TNHH Yeah1 Publishing	123.200.000	-
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	-	90.000.000
TỔNG CỘNG	38.067.199.411	4.531.165.998
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))		
Công ty TNHH Yeah1 Up	10.185.000.000	2.880.000.000
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	1.600.000.000	-
Công ty Cổ phần 1Game	450.000.000	-
Công ty Cổ phần YAG Entertainment	-	20.663.836.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	500.000.000
TỔNG CỘNG	12.235.000.000	24.043.836.000
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 6(b))		
Công ty Cổ phần 1Game	3.015.000.000	1.450.000.000
Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Care	930.000.000	930.000.000
Công ty TNHH 1Production	480.000.000	1.735.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	400.000.000	3.680.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Up	-	3.136.000.000
TỔNG CỘNG	4.825.000.000	10.931.000.000

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 7(a))		
Công ty TNHH 1Production	20.821.428.023	59.709.040
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	2.268.000.000	37.964.381
Công ty Cổ phần 1Game	233.017.516	33.410.819
Công ty TNHH Yeah1 Up	160.159.929	264.884.189
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	114.071.830	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Care	107.634.948	34.330.560
Bà Lê Phương Thảo	88.350.034	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	20.165.753	-
Ông Chế Đoàn Viên	6.522.276	6.522.276
Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1	5.000.000	5.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	4.384.109	208.163.761
Công ty TNHH Big Cat	1.610.958	1.610.959
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	215.753	215.753
TỔNG CỘNG	23.830.561.129	651.811.738
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 12)		
Công ty TNHH 1Production	18.267.580.000	-
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bò Công Anh	4.239.310.835	-
Công ty TNHH Big Cat	322.596.003	2.270.759.876
Công ty Cổ phần 1Label	147.708.709	-
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	110.192.009	-
TỔNG CỘNG	23.087.387.556	2.270.759.876
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 13)		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	4.423.513.425	-
Công ty Cổ phần 1Label	215.800.000	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	-	21.310.867.823
Công ty TNHH Big Cat	-	3.306.097.320
TỔNG CỘNG	4.639.313.425	24.616.965.143

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 15)		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	11.161.644	-
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	3.357.123	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	604.110	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1	-	2.014.531.800
	<u>15.122.877</u>	<u>2.014.531.800</u>

Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 16)

Công ty TNHH 1Production	24.964.262.732	-
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	5.960.245.107	4.660.274
Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	826.012.645	9.315.164
Công ty Cổ phần 1Label	765.608.205	
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	321.777.045	13.705.730
Công ty Cổ phần Giải trí Ana	139.654.570	2.627.159.124
Công ty TNHH Vietnam Music Award	96.571.231	-
Công ty TNHH TingTing Network	51.393.907	7.364.383
Công ty TNHH 1Talents	20.453.423	13.705.730
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	15.320.548	
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	7.899.792	63.661.644
	<u>33.169.199.205</u>	<u>2.739.572.049</u>

Vay ngắn hạn (Thuyết minh 17(a))

Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital	4.189.000.000	5.950.000.000
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	4.020.000.000	-
Công ty TNHH Vietnam Music Award	2.040.000.000	200.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	1.500.000.000	-
Công ty TNHH 1Talents	1.100.000.000	-
Công ty TNHH TingTing Network	605.000.000	300.000.000
Công ty Cổ Phần Giải trí Ana	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam	-	2.300.000.000
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	-
	<u>13.454.000.000</u>	<u>8.750.000.000</u>

27 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối kỳ/năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.09.2024 VND	31.12.2023 VND
Vay dài hạn (Thuyết minh 17(b))		
Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	12.050.000.000	-
Công ty Cổ Phần Giải trí Ana	-	54.603.842.260
Công ty TNHH Trung tâm Nội Dung Số	-	342.808.874
TỔNG CỘNG	12.050.000.000	54.946.651.134

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 25 tháng 10 năm 2024.



 Lưu Anh Khoa
 Người lập



 Nguyễn Thị Khánh Trang
 Kế toán trưởng



 Ché Đoàn Viên
 Phó Tổng Giám đốc
 Ngày 25 tháng 10 năm 2024